

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 52/2022/DS-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hà;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp KH, xã CK, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, hẻm 66 đường CMTT, khu phố B, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Trúc P, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, hẻm 66, đường CMTT, khu phố B, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08-12-2021, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 16-9-2021 âm lịch, bà N có cho anh Nguyễn Nhật T, cư ngụ tại khu phố B, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh vay số tiền 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng, thỏa thuận lãi suất 1000đồng/1.000.000 đồng/ngày, mục đích anh T vay là để đáo hạn Ngân hàng, anh T hẹn 2 tuần sau sẽ trả cho bà cả tiền gốc và lãi. Anh T có viết giấy mượn tiền ngày 16-9-2021, xác nhận nội dung trên, ký ghi rõ họ tên và lấn ngón tay giao cho bà giữ bản chính giấy nợ. Khi vay anh T không thể chấp tài sản, không giao giấy tờ làm tin. Cho đến nay anh T vẫn chưa trả tiền lãi, tiền nợ gốc cho bà, bà có làm đơn yêu cầu cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Tây Ninh giải quyết nhưng Công an có Phiếu hướng dẫn bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân để giải quyết. Hiện nay bà không biết anh T sinh sống ở đâu nhưng trong giấy nợ anh T có để địa chỉ tại khu phố B, phường B, thành phố TN nên bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bà N xác định cho anh T vay không thỏa thuận lãi suất và khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Nhật T trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 05-11-2021 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử. Bà không yêu cầu chị Lê Trúc P liên đới trả nợ do chị P không gặp bà vay tiền, không có chữ ký của chị P trong giấy nợ đồng thời anh T và chị P đã ly hôn.

** Quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Nhật T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Trường không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện.*

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Trúc P trình bày:* Chị P và anh T có đăng ký kết hôn, chung sống cùng nhau từ năm 2013 tại số nhà 688 đường CMTT, khu phố B, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 17-02-2021 anh chị đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 45/2021/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh. Sau khi ly hôn anh T không còn chung sống với gia đình, hiện nay chị không biết anh T sinh sống ở đâu tuy nhiên hàng tháng anh T vẫn về nhà thăm con chung đều đặn. Chị không quen biết, không vay tiền của bà N, nội dung giấy mượn tiền ngày 16-9-2021 không có chữ ký của chị vay tiền bà N. Do vậy chị không có trách nhiệm trả tiền vay cho bà N và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N đối với anh T.

Tại phiên tòa chị Phương vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi cho bà Ngoan. Qua xác minh anh T vẫn sinh sống tại phường 3, thành phố Tây Ninh nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ tuy nhiên anh T vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của bà N, không đến Tòa án làm việc để đối chất, làm rõ nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay anh T đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; chị P có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà N khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền nợ gốc 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng và tính lãi suất 10%/năm kể từ 05-11-2021 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử.

[2.1]. Về khoản tiền nợ gốc

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ khởi kiện là bản chính giấy mượn tiền đề ngày 16-9-2021 âm lịch có nội dung “*Tôi tên Nguyễn Nhật T, sinh năm 1982, số CMND: 072082002857, vợ tên Lê Trúc P, sinh năm 1989, số CMND: 072189014624, hiện ngụ khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh. Hôm nay ngày 16/9/2021 (Âl) vợ chồng tôi có mượn của cô N số tiền là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn). Hẹn trong vòng 2 tuần sẽ gửi lại cho cô N. Mục đích vợ chồng tôi mượn số tiền trên để đáo hạn Ngân hàng. Nếu sau này vợ chồng tôi sai hẹn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Giấy nợ có dấu vân tay, chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Nhật T. Đồng thời bà N cung cấp bản chính chứng từ giao dịch ngày 21-10-2021 dương lịch (tức là ngày 16-9-2021 âm lịch) bà có chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng vào tài khoản

anh Nguyễn Nhật T, còn lại số tiền 300.000.000 đồng bà trình bày giao tiền mặt trực tiếp cho anh Trường.

Tại Kết luận giám định số 1688/KL-KTHS ngày 24-3-2022 của Phân viện Khoa học Kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Nguyễn Nhật T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M7 là do cùng một người viết ra. Chữ ký đứng tên Nguyễn Nhật T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Nguyễn Nhật T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký ra.

Kết luận số 1688/1/L-KTHS ngày 24-3-2022 của Phân viện Khoa học Kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vân tay dưới mục “Người mượn” ghi họ tên Nguyễn Nhật T trên “Giấy mượn tiền” ngày 16-9-2021 AI với dấu vân tay trên “Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân” ngày 09-3-2017 mang họ tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 26-7-1982 ký hiệu M là dấu vân tay của cùng một người.

Từ phân tích nêu trên, có căn cứ xác định anh T có vay số tiền nợ gốc của bà N là 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng. Theo lời trình bày của bà N cho đến nay anh T chưa trả được khoản tiền nào cho bà N nên xác định anh T còn nợ bà N số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng.

[2.2]. Về lãi suất:

Khi vay tiền các bên không ghi rõ mức lãi suất cho vay trong giấy biên nhận nợ, thời hạn vay trong vòng 2 tuần kể từ ngày vay, tại phiên tòa bà N chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) của số tiền vay kể từ ngày 5-11-2021 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do vậy tiền lãi được tính như sau:

+ Tiền lãi của khoản vay 1.300.000.000 đồng tính từ ngày 5-11-2021 dương lịch tính đến ngày 17-6-2022 dương lịch là 07 tháng 12 ngày là: $((1.300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%): 12) \times 07 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 80.166.666 \text{ đồng}$ (làm tròn thành 80.167.000 đồng).

[2.3]. Xét giấy mượn tiền có nội dung “*anh T và vợ tên là Lê Trúc P có mượn tiền của cô N 1.300.000.000 đồng*” tuy nhiên kết luận giám định khẳng định toàn bộ chữ viết là của anh T; mặt khác chị P trình bày không biết khoản vay này, chị P và anh T đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17-02-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh trước thời điểm anh T mượn tiền của bà N ngày 16-9-2021 âm lịch (ngày 12-10-2021 dương lịch). Trong vụ án này bà N không yêu cầu chị P chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay này là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần buộc anh T có nghĩa vụ trả cho bà N tổng số tiền 1.380.167.000 (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là

1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng, tiền lãi là 80.167.000 (Tám mươi triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

[3] Về chi phí giám định và án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên anh T phải chịu chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3.1] Về chi phí giám định: Anh T phải chịu số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng chi phí giám định. Do bà N đã nộp tạm ứng chi phí nên anh T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho bà N.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật là: 36.000.000 đồng + 3% (1.380.167.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 53.405.000 (Năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng.

+ Bà N được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với anh Nguyễn Nhật T.

Buộc anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền: 1.380.167.000 (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng, tiền lãi là 80.167.000 (Tám mươi triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

2. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Nhật T phải chịu tiền chi phí giám định. Buộc anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng tạm ứng chi phí giám định cho bà Nguyễn Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Nhật T phải chịu số tiền 53.405.000 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng tiền án phí.

+ Bà Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 25.500.000 (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn*) đồng tại Biên lai thu số 0000750 ngày 06-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên